

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2. Bà Trần Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2023/TLHNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-HN ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ 12, Ấp L, xã C, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã Long Chữ, huyện Bến Cầu. Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hữu Đ,

sinh ngày 24/10/2008 và Lê Thị Tường V, sinh ngày 02/12/2010, hiện đang sống chung với anh T.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2022, nguyên nhân do anh T đam mê cờ bạc, không chuyên tâm đi làm phụ giúp kinh tế gia đình, hơn nữa anh T còn uống rượu rồi mắng chửi và hăm dọa chị, chị khuyên nhủ và tha thứ rất nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên từ tháng 4/2022 chị về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp nhau nhưng không bàn bạc việc hàn gắn gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì anh T không chịu thay đổi và hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:* Anh thừa nhận lời trình bày của chị H là đúng. Riêng nguyên nhân mâu thuẫn không đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh thừa nhận trước đây anh có cờ bạc dẫn đến thiếu nợ nhiều lần vợ anh và mẹ ruột phải trả thay anh, trong thời gian sống chung thỉnh thoảng anh có uống rượu vào chửi mắng vợ nhưng không thường xuyên, khoảng 6-7 tháng khi có chuyện gì đó không hài lòng thì anh mới uống rượu rồi chửi mắng vợ. Từ khi chị H bỏ về nhà mẹ ruột ở thì anh không cờ bạc nữa và hiện tại đang đi làm công nhân.

Trong thời gian sống ly thân, anh có gặp chị H nhưng không năn nỉ hàn gắn đoàn tụ gia đình. Theo anh nghĩ chị H không thích sống chung với anh nữa vì anh ham chơi không lo lắng gì cho gia đình nên mới yêu cầu ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con, anh muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Trường hợp ly hôn, về con chung: Anh đồng ý cho chị H được quyền trực tiếp nuôi 02 con, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H; Con chung, giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 24/10/2008 và Lê Thị Tường V, sinh ngày 02/12/2010; Tài sản chung và nợ chung, chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2007, trong thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T đam mê cờ bạc, không chuyên tâm đi làm phụ giúp kinh tế gia đình, hơn nữa anh T còn uống rượu, chửi mắng chị H, chị H khuyên nhủ và tha thứ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2023, anh T thừa nhận có cờ bạc dẫn đến thiếu nợ nhiều lần chị H và mẹ ruột phải trả nợ thay cho anh; thỉnh thoảng anh có uống rượu chửi mắng chị H; hơn nữa anh T cũng cho rằng chị H không thích sống chung với anh nữa vì anh ham chơi không lo lắng cho gia đình, trong thời gian sống ly thân anh T không gặp chị H bàn bạc việc đoàn tụ và anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 24/10/2008 và Lê Thị Tường V, sinh ngày 02/12/2010. Tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2023 anh T đồng ý. Do đó, cần giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi 02 con là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh T tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H với anh Lê Văn T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 24/10/2008 và Lê Thị Tường V, sinh ngày 02/12/2010. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lê Văn T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0023070 ngày 26-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Chữ (Số 30/2008);
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Vui